

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH STUNNING VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH STUNNING VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET NAM STUNNING TRAVEL JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110037210

**3. Ngày thành lập:** 21/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 41 Ngách 57 Ngõ 32 phố An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0902172771

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết:<br>- Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của các đấu giá viên)<br>- Môi giới mua bán hàng hóa.             | 4610     |
| 2.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                        | 4632     |
| 3.  | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                          | 4633     |
| 4.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                      | 4641     |
| 5.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm | 4649     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                 | 8230     |
| 7.  | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê xe đạp                                                                                                       | 7710     |
| 8.  | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                      | 4711     |
| 9.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                        | 4719     |
| 10. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                          | 4722     |
| 11. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                            | 4723     |
| 12. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ đấu giá bán lẻ qua internet)                                                                 | 4791     |
| 13. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                       | 4931     |

|     |                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng                                                                                        | 4932        |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                   | 4933        |
| 16. | Vận tải hành khách đường thủy nội địa                                                                                                                                            | 5021        |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                      | 5210        |
| 18. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                         | 5221        |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                        | 5222        |
| 20. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                 | 5224        |
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                          | 5225        |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: - Đại lý bán vé máy bay.                                                                                        | 5229        |
| 23. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                        | 5510        |
| 24. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                 | 5610        |
| 25. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                         | 5621        |
| 26. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                             | 5629        |
| 27. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                          | 5630        |
| 28. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                                   | 7730        |
| 29. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                   | 7911(Chính) |
| 30. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                            | 7912        |
| 31. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                              | 7990        |
| 32. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh          | 4759        |
| 33. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                 | 4771        |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ: Bán lẻ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; Bán lẻ tem và tiền kim khí; Bán lẻ vàng miếng, vàng nguyên liệu) | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 300.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông         | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                         | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | MAI VĂN<br>HÒA      | Thôn 4, Xã Nga<br>Tiền, Huyện Nga<br>Sơn, Tỉnh Thanh<br>Hoá, Việt Nam                                      | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 150.000       | 1.500.000.000            | 50,000       | 0380830356<br>47                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số                            | 150.000       | 1.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGUYỄN THU<br>TRANG | Số 375A đường<br>Hoàng Hoa<br>Thám, Phường<br>Liễu Giai, Quận<br>Ba Đình, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        | 0241840000<br>84                                                                                                       |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            | Tổng số                            | 6.000         | 60.000.000               | 2,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                     |                                                                                                            |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |               |                                                                              |                           |         |               |        |               |
|---|---------------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|---------|---------------|--------|---------------|
| 3 | PHẠM QUỐC ANH | Số 3 Đường An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 144.000 | 1.440.000.000 | 48,000 | 0010840227659 |
|   |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0       | 0             | 0,000  |               |
|   |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0       | 0             | 0,000  |               |
|   |               |                                                                              | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0       | 0             | 0,000  |               |
|   |               |                                                                              | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0       | 0             | 0,000  |               |
|   |               |                                                                              | Tổng số                   | 144.000 | 1.440.000.000 | 48,000 |               |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHẠM QUỐC ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/11/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 0010840227659

Ngày cấp: 26/01/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về Dân Cư

Địa chỉ thường trú: Số 3 Đường An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3 Đường An Dương, Phường Yên Phụ, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội